VĂN BẢN ĐẾN ĐIỆN TỬ
Số 6940 Ngày 03/06/2024

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2259 /QĐ- UBND	*Thanh Hóa, ngày 03 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh quốc gia núi Kim Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa gắn với phát triển dịch vụ du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 21 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; số 67/2022/NĐ-CP ngày 21/9/2022 về sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa; số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của quy định một số điều của Luật Du lịch; số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh quốc gia Núi Kim Sơn, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc gắn với phát triển du lịch;

Căn cứ Kết luận số 2623-KL/TU ngày 12/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh quốc gia núi Kim Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa gắn với phát triển dịch vụ du lịch;

Căn cứ Văn bản số 1432/BVHTTDL-DSVH ngày 05/4/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thẩm định Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị danh

lam thắng cảnh quốc gia Núi Kim Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa gắn với phát triển dịch vụ du lịch;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2381/TTr-SVHTTDL ngày 23/5/2024 và Công văn số 2378/SVHTTDL-DSVH ngày 23/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh quốc gia núi Kim Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa gắn với phát triển dịch vụ du lịch với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh quốc gia Núi Kim Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa gắn với phát triển dịch vụ du lịch (sau đây viết tắt là Quy hoạch).

2. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch

2.1. Phạm vi, quy mô

Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh quốc gia núi Kim Sơn, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc gắn với phát triển du lịch có diện tích khoảng 173,54ha, trên địa phận xã Vĩnh An và một phần xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, bao gồm:

- Diện tích khu vực bảo vệ di tích là 109,91ha (Khu vực bảo vệ I: 97,16ha; Khu vực bảo vệ II: 12,74ha).

- Diện tích khu vực mở rộng bảo vệ cảnh quan, phát huy giá trị di tích và phát triển du lịch là 63,63ha.

2.2. Ranh giới lập quy hoạch

- Phía Bắc giáp núi đá xã Minh Tân.

- Phía Nam giáp đường liên xã Minh Tân - Vĩnh An và đê sông Mã.

- Phía Đông giáp đường liên xã Minh Tân - Vĩnh An và đất đồi núi xã Vĩnh An.

- Phía Tây giáp cánh đồng lúa xã Vĩnh An.

3. Đối tượng nghiên cứu

- Các hạng mục di tích và các khu vực cảnh quan có liên quan: Khu vực di tích danh lam thắng cảnh; công trình tôn giáo; khu vực di tích lịch sử cách mạng; cảnh quan núi đá, đầm lầy.

- Các giá trị phi vật thể: Các lễ hội truyền thống của nhân dân trong vùng nghiên cứu; các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng; các phong tục tập quán; các truyền thuyết dân gian; diễn xướng dân gian.

- Các yếu tố phục vụ việc phát huy giá trị di tích.

- Các yếu tố liên quan khác về kinh tế - xã hội, cộng đồng dân cư, môi trường, các thể chế, chính sách liên quan khác.

- Công tác bảo tồn và đầu tư xây dựng tại Khu di tích.

4. Mục tiêu lập quy hoạch

4.1. Mục tiêu dài hạn

- Bảo vệ các yếu tốc gốc của di tích.

- Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh núi Kim Sơn, đồng thời đưa di tích trở thành điểm tham quan du lịch có giá trị, góp phần phát triển kinh tế xã hội khu vực.

- Nhằm triển khai và cụ thể hóa Quy hoạch phát triển các điểm, tuyến du lịch đường sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070; Đề án phát triển loại hình du lịch dựa vào cộng đồng huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Hình thành khu du lịch sinh thái, văn hóa tâm linh đáp ứng nhu cầu tham quan nghỉ ngơi, vui chơi giải trí của Nhân dân địa phương và du khách trong, ngoài nước, đưa nơi đây trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn của Thanh Hóa nói riêng và Việt Nam nói chung.

- Đưa ra các kế hoạch định hướng xây dựng trên cơ sở lồng ghép và phát huy các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội địa phương.

4.2. Mục tiêu ngắn hạn

- Thiết lập, xác định ranh giới bảo vệ di tích.

- Xây dựng danh mục các dự án đầu tư, bảo tồn di tích phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn.

- Thu hút nguồn vốn đầu tư, lập các dự án đầu tư xây dựng, thiết kế, thi công xây dựng và quản lý xây dựng tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

5. Nội dung quy hoạch di tích

5.1. Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

5.1.1. Xác định ranh giới khu vực bảo vệ di tích, điều chỉnh mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích

STT	Tên khu vực	Hiện trạng (m^2)	Đề xuất (m^2)	Tăng - giảm (m^2)
1	Khu vực bảo vệ 1 (KV1)	921.616	971.619	50.003
2	Khu vực bảo vệ 2 (KV2)	126.960	127.435	475
	Tổng	**1.048.576**	**1.099.054**	**50.478**

5.1.2. Phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

a) Bảo tồn cảnh quan tự nhiên, môi trường và hệ sinh thái

- Bảo tồn nguyên trạng tối đa các khu vực núi đá và đầm lầy, hồ nước trong

khu vực I của di tích, kèm theo việc phục hồi rừng và hệ sinh thái.

- Giảm thiểu tác động từ các hoạt động bên ngoài có thể ảnh hưởng tiêu cực đến di tích, bao gồm các tác động sạt lở, tiếng ồn và bụi do các hoạt động khai thác đá quanh khu vực, ô nhiễm nước trên hồ và suối.

- Tạo ra các tuyến đường dạo nhỏ và xây dựng điểm ngắm cảnh, bến thuyền để, cầu trên mặt nước bằng vật liệu thân thiện với môi trường để du khách có thể thưởng ngoạn cảnh quan mà không gây tổn hại tới giá trị cốt lõi của thắng cảnh; khai thông tuyến đường tham quan bằng thuyền trên diện tích đầm lầy.

b) Bảo vệ các hang động

- Hạn chế rung động lớn từ các hoạt động khai thác đá gần di tích.

- Thiết kế các đường dạo và lan can trong hang động để các hoạt động của du khách không tiếp xúc trực tiếp với các nhũ đá.

- Kết hợp sử dụng hệ thống chiếu sáng, trang trí và âm thanh để tăng thêm giá trị thẩm mỹ và ý nghĩa trong việc thưởng ngoạn hang động.

c) Đối với hệ thống các bia ma nhai

- Lưu trữ và dịch thuật các dữ liệu trên bia để lưu trữ.

- Sử dụng vật liệu bảo vệ bề mặt đá để tránh tác động của khí hậu mà vẫn giữ được vẻ đẹp tự nhiên của bề mặt đá.

- Tạo ra các biện pháp ngăn cách để bảo vệ bề mặt các bia ma nhai khỏi sự tiếp xúc trực tiếp của du khách.

- Có hình thức diễn giải các bản phiên âm, bản dịch nghĩa nội dung bia để du khách tìm hiểu và cảm nhận.

d) Đối với các công trình di tích:

- Tôn tạo cảnh quan, phục hồi công trình di tích Nghè Mối và Chùa Liên Hoa.

- Xây dựng mới một số công trình để phục vụ hoạt động trong điểm di tích, như chùa Linh Ứng và các công trình phục vụ trải nghiệm văn hóa truyền thống địa phương.

- Thiết kế các công trình cảnh quan và đường dạo phù hợp với môi trường tự nhiên và không gây ảnh hưởng lớn đến giá trị di tích.

e) Đối với các di chỉ, địa điểm khảo cổ

- Tổ chức nghiên cứu và khoanh vùng các khu vực có di chỉ và khảo cổ học đã được khai quật.

- Tránh các tác động gây thay đổi hiện trạng trước khi thực hiện các hoạt động khảo cổ.

- Ưu tiên trưng bày tại chỗ các hiện vật khảo cổ để du khách quan sát, tìm hiểu, tạo ra trải nghiệm cho du khách.

5.1.3. Danh mục các công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ

bảo quản, tu bổ, phục hồi

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẦN BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI TRONG KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH

TT	Tên mục	Mức độ
1	Cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái núi đá	Bảo tồn nguyên trạng, chỉ xây dựng một số công trình thiết yếu phục vụ khách tham quan như: quán nghỉ, nhà vệ sinh, quán ngắm cảnh, đường dạo
2	Cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái đầm lầy	Bảo tồn nguyên trạng, chỉ xây dựng một số công trình thiết yếu phục vụ khách tham quan như: quán nghỉ, nhà vệ sinh, quán ngắm cảnh, đường dạo, cầu cảnh quan bằng vật liệu tự nhiên tre, gỗ, đá… , khai thông tuyến kênh đảm bảo cho khách tham quan bằng thuyền nhỏ
3	Hồ nước và kênh dẫn nước	Tôn tạo cảnh quan, xây dựng một số bến thuyền, quán nghỉ tại các điểm dừng tham quan,
4	Hệ thống hang động	Bảo tồn hệ thống bia ma nhai, nhũ đá, tôn tạo đường vào động và các lối cho khách tham quan trong động.
5	Chùa Liên Hoa	Phục hồi trên vị trí cũ
6	Nghè Mối	Phục hồi trên vị trí cũ
7	Chùa Linh Ứng	Tôn tạo, hoàn thiện các hạng mục phục vụ các hoạt động của chùa, tạo thành quần thể kiến trúc hài hòa với cảnh quan thiên nhiên xung quanh
8	Thung lũng Nguyễn Văn Tố	Phục dựng một số công trình lán trại, tạo không gian kiến trúc cảnh quan
9	Các khu vực cảnh quan liên quan khác	Cải tạo cảnh quan, xây dựng một số công trình phục vụ phát huy giá trị di tích và phát triển du lịch kết hợp với các giá trị văn hóa phi vật thể địa phương như hàng lưu niệm, ẩm thực…

5.1.4. Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

a) Nguyên tắc:

- Yếu tố gốc của di tích chính là các công trình di tích, địa điểm và cảnh quan thiên nhiên. Vì vậy, việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải đảm bảo không làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên, cảnh quan lịch sử tại khu vực.

- Bảo quản và tu bổ các công trình kiến trúc (gắn với yếu tố gốc của di tích) hiện còn.

- Phục hồi các công trình kiến trúc dựa trên các cứ liệu khoa học, tài liệu lịch sử, ngữ văn dân gian,...

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể liên quan.

- Đảm bảo thuận lợi về việc phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch.

b) Giải pháp:

- Khoanh vùng bảo vệ di tích, di dời các công trình đang ảnh hưởng đến cảnh quan di tích.

- Trong khu vực I chú trọng bảo quản, tu bổ các công trình, cảnh quan thiên nhiên hiện còn; hoàn thiện một số hạng mục kiến trúc đảm bảo mục đích sử dụng và cùng các công trình kiến trúc hiện còn tạo nên một hệ thống hoàn chỉnh, có giá trị thẩm mỹ, tôn trọng cảnh quan thiên nhiên.

- Một số công trình hiện hữu không phải yếu tố gốc của di tích cần phải di chuyển, trong trường hợp cho tồn tại phải được nghiên cứu cải tạo nhằm phù hợp về mặt không gian, phong cách kiến trúc.

- Phục hồi các công trình kiến trúc cần tham khảo các mô tả về di tích trong các tài liệu lịch sử, dấu vết còn tồn tại của di tích, ngữ văn dân gian...

- Tôn tạo cảnh quan: Một số công trình mới phục vụ phát huy giá trị di tích được phép xây dựng trong khu vực bảo vệ di tích nhưng phải đảm bảo về sự phù hợp quy mô, không gian kiến trúc cảnh quan, phong cách kiến trúc mang bản sắc văn hóa địa phương.

5.2. Định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di tích

5.2.1. Phân vùng chức năng

a) Khu vực bảo vệ di tích - Khu vực I (KV1)

a1) Khu vực chùa Linh Ứng (DT01)

- Quy mô: diện tích khoảng 1,66 ha.

- Phạm vi: khu vực chùa hiện trạng và các diện tích xây dựng mới phục vụ các hoạt động văn hóa và tổ chức các nghi lễ.

- Chức năng: Là điểm tham quan du lịch quan trọng trong khu, tổ chức các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng phục vụ nhân dân và du khách.

- Khuyến khích: Xây dựng các công trình đồng bộ và có giá trị thẩm mỹ, hài hòa cảnh quan khu vực, mang phong cách kiến trúc truyền thống, tạo không gian phục vụ lễ hội.

- Hạn chế: Xây dựng các công trình cao tầng làm che lấp cảnh quan.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm việc đào phá đá.

a2) Khu vực chùa Liên Hoa (DT02)

- Quy mô: diện tích khoảng 0,57 ha.

- Vị trí: nằm trên sườn núi phía Nam khu di tích giáp với khu dân cư hiện có.

- Chức năng: Là công trình tôn giáo, hiện chỉ còn phế tích và một số bia ký.

- Khuyến khích: Phục hồi di tích.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm phá bỏ, di dời các di vật hiện còn, trước khi phục hồi di tích.

a3) Khu vực núi đá (DN01-02-03)

- Quy mô: diện tích khoảng 63,90 ha.

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ các khu vực núi đá cần bảo vệ.

- Tính chất: Là khu vực bảo vệ của thắng cảnh, bao gồm cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái núi đá có tính chất quốc phòng quan trọng.

- Khuyến khích: Tại đây chủ yếu giữ nguyên trạng cảnh quan và hệ sinh thái, tạo đường lên đỉnh núi ngắm cảnh.

- Hạn chế: Hạn chế việc đào bới, san gạt, thay đổi địa hình.

- Cấm: Cấm các hoạt động khai thác đá, chặt phá cây, săn bắt động vật hoang dã.

a4) Các hang động

- Phạm vi: Các hang động hiện có trong khu.

- Chức năng: Là các điểm tham quan du lịch và đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Khuyến khích: Xây dựng hệ thống chiếu sáng nghệ thuật phục vụ phát huy giá trị; xây dựng các lối đi cho khách tham quan trong động.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm làm hư hỏng các bia ký trên đá, làm gãy vỡ nhũ đá.

a5) Hồ Cây Ấu (CXMN01)

- Quy mô: Diện tích khoảng 14,39 ha.

- Phạm vi: Bao gồm hồ nước lớn phía Đông động nước Kim Sơn.

- Chức năng: Là diện tích thoáng rộng, điểm nhấn cảnh quan chung. Là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, du lịch dưới nước. Là nơi canh tác nghề nông nghiệp truyền thống như trồng ấu, trồng sen, súng.

- Khuyến khích: Mở rộng diện tích mặt nước, tổ chức các hoạt động văn hóa truyền thống trên hồ, cho phép Nhân dân canh tác các loại cây thủy sinh (ấu, sen,...) theo truyền thống.

- Hạn chế: Hạn chế xây dựng các công trình phong cách hiện đại trên hồ.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm san lấp hồ hoặc chia nhỏ diện tích hồ.

a6) Khu vực đầm lầy (ĐLAY)

- Quy mô: Diện tích khoảng 9,70 ha.

- Phạm vi: Khu vực đầm lầy Thung Vình.

- Tính chất: Là khu vực bảo vệ của thắng cảnh, bao gồm cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái đầm lầy.

- Khuyến khích: Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái tự nhiên, xây dựng (tối thiểu) các công trình bằng vật liệu tự nhiên hài hòa với cảnh quan.

- Hạn chế: Hạn chế chặt phá cây, trồng các cây ngoại lai.

- Cấm: Cấm xây dựng các công trình phá vỡ hoặc làm tổn hại lớn đến cảnh quan chung; chăn thả trâu bò, vật nuôi.

a7) Thung lũng Nguyễn Văn Tố (TLNVT)

- Quy mô: Diện tích khoảng 0,58 ha.

- Phạm vi: Diện tích trong lòng thung lũng Nguyễn Văn Tố.

- Khuyến khích: Đầu tư xây dựng mô phỏng một số công trình lán trại sản xuất vũ khí trước đây để tái tạo một phần không gian xưa, có thể kết hợp các công trình này phục vụ một số dịch vụ cho khách du lịch.

- Hạn chế: Xây dựng các công trình phong cách hiện đại.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm việc san gạt lớn làm biến dạng địa hình.

a8) Các bến thuyền trong khu

- Khu bến thuyền lên động Tiên Sơn (BEN01)

Quy mô: Diện tích khoảng 0,56 ha.

Phạm vi: Nằm sát chân núi phía Nam động Tiên Sơn.

Chức năng: Phục vụ cho du khách lên tham quan động Tiên Sơn

- Khu bến thuyền lên Thung Lũng Nguyễn Văn Tố (BEN02)

Quy mô: Diện tích khoảng 0,05 ha.

Phạm vi: Nằm sát khu vực Thung lũng Nguyễn Văn Tố.

Chức năng: Phục vụ cho du khách lên thăm quan tại khu vực Thung Lũng.

- Khu bến thuyền nghỉ chân (BEN03)

Quy mô: Diện tích khoảng 0,06 ha.

Phạm vi: Giáp với suối Ấu và núi đá phía Đông của khu vực quy hoạch.

Chức năng: Là nơi nghỉ chân cho nhân dân và du khách, tại đây nhân dân và du khách có thể tiếp cận lên điểm ngắm cảnh trên đỉnh núi bằng cầu thang kính.

- Khu bến thuyền chính (BEN04)

Quy mô: Diện tích khoảng 0,14 ha.

Phạm vi: Giáp gần Khu quảng trường và biểu diễn văn hóa nghệ thuật, tiếp cận với kênh thoát nước thủy lợi và hồ Cây Ấu.

Chức năng: Tổ chức các hoạt động đưa đón du khách đi tham quan các điểm trong khu, tại khu biểu diễn văn hóa nghệ thuật tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ mang bản sắc văn hóa địa phương phục vụ du khách.

- Khu bến thuyền lên động Kim Sơn và chùa Linh Ứng (BEN05)

Quy mô: Diện tích khoảng 0,15 ha.

Phạm vi: Nằm sát khu vực chùa Linh Ứng.

Chức năng: Phục vụ cho du khách lên thăm viếng tại chùa.

a9) Khu vực đảo cò (ĐCO)

- Quy mô: Diện tích khoảng 0,81 ha.

- Phạm vi: Nằm trên hồ Cây Ấu, phía Tây khu quảng trường và sân khấu ngoài trời biểu diễn nghệ thuật.

- Chức năng: Là nơi tham quan sinh thái, nơi trú ngụ tập trung của các đàn cò.

- Khuyến khích: Trồng và thay thế dần các cây keo bằng các loài tre, trúc, nứa,… tạo thêm không gian trú ngụ cho đàn cò.

- Hạn chế: Hạn chế các hoạt động đào bới, xây dựng, các hoạt động gây âm thanh lớn.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm hặt cây hàng loạt làm mất nơi trú ngụ của đàn cò.

a10) Khu đất nông nghiệp - trồng hoa phục vụ du lịch (NN01)

- Quy mô: Diện tích khoảng 3,50 ha.

- Chức năng: Là nơi tham quan sinh thái.

- Khuyến khích: Trồng và thay thế dần các trông cây lúa sang trông hoa phát triển dịch vụ du lịch và tăng thêm thẩm mỹ cho toàn khu vực.

- Hạn chế: Các hoạt động đào bới, xây dựng, các hoạt động gây âm thanh lớn.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm xây dựng các công trình phá vỡ hoặc làm tổn hại lớn đến cảnh quan chung; chăn thả trâu bò, vật nuôi.

b) Khu vực bảo vệ di tích - Khu vực II (KV2)

b1) Nghè Mối (DT03)

- Quy mô: Diện tích 0,33 ha.

- Phạm vi: Giáp với kênh dẫn nước phía Tây núi Thung Vình.

- Chức năng: Là công trình tín ngưỡng, hiện chỉ còn phế tích.

- Khuyến khích: Tôn tạo di tích.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm việc phá bỏ, di dời các di vật hiện còn trước khi tôn tạo di tích.

b2) Khu đất nông nghiệp - trồng hoa phục vụ du lịch (NN02)

- Quy mô: Diện tích khoảng 5,90 ha.

- Phạm vi: Nằm phía Đông giáp với khu chùa Linh Ứng (DT01), và giáp khu quảng trường và sân khấu ngoài trời biểu diễn nghệ thuật.

- Chức năng: Là nơi tham quan sinh thái.

- Khuyến khích: Trồng và thay thế dần các trông cây lúa sang trông hoa phát triển dịch vụ du lịch và tăng thêm thẩm mỹ cho toàn khu vực.

- Hạn chế: Các hoạt động đào bới, xây dựng, các hoạt động gây âm thanh lớn.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm xây dựng các công trình phá vỡ hoặc làm tổn hại lớn đến cảnh quan chung; chăn thả trâu bò, vật nuôi.

b3) Khu quảng trường và biểu diễn văn hóa nghệ thuật (QT-SKN)

- Quy mô: Diện tích khoảng 0,46 ha.

- Phạm vi: Cuối trục cảnh quan chính, nằm giữa hai khu vực cánh đồng trồng hoa và sân khấu biểu diễn giáp với hồ Cây Ấu.

- Chức năng: Là nơi tập trung khách du lịch trước khi tham quan tại các địa điểm trong khu, bố trí khu sân khẩu ngoài trời biểu diễn văn hóa nghệ thuật tổ

chức các hoạt động văn hóa văn nghệ mang bản sắc văn hóa địa phượng phục vụ du khách.

- Khuyến khích: Tạo dựng không gian mở và có tính mỹ thuật cao.

- Hạn chế: Xây dựng công trình cố định có mái che.

b4) Khu trải nghiệm văn hóa (TNVH01)

- Quy mô: Diện tích khoảng 1,62 ha.

- Phạm vi: Phần diện tích nằm giữa khu đồi núi và kênh nước dẫn ra sông Mã (CXMN02).

- Chức năng: Là nơi tái hiện một số hoạt động văn hóa truyền thống để du khách được thưởng thức, tham gia cùng các hoạt động trải nghiệm.

- Khuyến khích: Khai thác các trích đoạn, nội dung văn hóa phi vật thể truyền thống tại địa phương như diễn xướng tuồng, bội, hát chèo, hát văn, tín ngưỡng thờ Mẫu và các diễn xướng khác gắn với mô phỏng sát thực các không gian truyền thống như các ngôi đền, đình, chùa.

- Hạn chế: Xây dựng các công trình phong cách hiện đại.

b5) Cây xanh mặt nước (CXMN02)

- Quy mô: Diện tích khoảng 4,21 ha.

- Phạm vi: Bao gồm một phần kênh dẫn nước ra sông Mã và khu vực đất ven bờ kênh.

- Chức năng: Là tuyến vận chuyển khách du lịch bằng thuyền tham quan thắng cảnh và hệ sinh thái hai bên bờ.

- Khuyến khích: Tổ chức vận chuyển khách bằng thuyền nhỏ, chèo tay hoặc động cơ không có tiếng ồn. Trồng các cây bản địa ven bờ cải tạo cảnh quan đảm bảo vẻ đẹp tự nhiên.

- Hạn chế: Hạn chế xây dựng các công trình phong cách hiện đại.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm việc san lấp hoặc chia nhỏ diện tích mặt nước.

c) Khu vực phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch

c1) Cổng vào khu du lịch

- Bố trí hai lớp cổng vào:

+ Cổng 1: Bố trí ở ngã ba giao của đường trục xã với đường quốc lộ 217 (nằm ngoài ranh giới quy hoạch) nhằm dẫn hướng và quảng bá du lịch.

+ Cổng 2: Bố trí ở đầu trục cảnh quan chính giáp đường liên xã.

- Chức năng: Điểm nhấn cảnh quan đường vào chính (đường bộ) cho khu vực.

- Khuyến khích: Xây dựng cổng vào dạng cổng chào, tính mỹ thuật cao, mang bản sắc văn hóa, đặc điểm riêng cho khu vực.

c2) Bãi đỗ xe (BDX 01)

- Quy mô: Diện tích 0,64 ha.

- Phạm vi: Phía Đông khu vui chơi giải trí tiếp cận từ đường trục liên xã

- Chức năng: Phục vụ đỗ xe và các dịch vụ kèm theo cho du khách tham quan du lịch.

- Khuyến khích: Trồng các cây xanh có tán để che nắng.

- Hạn chế: Xây dựng công trình mật độ cao.

Ngoài ra, dự kiến bố trí thêm một bãi đỗ xe chính tại vị trí tiếp giáp ranh giới khu vực quy hoạch có quy mô khoảng 2,0 ha theo kế hoạch của địa phương. Vị trí cụ thể:

- Phía Bắc khu đất: Giáp với ruộng lúa.

- Phía Nam khu đất: Giáp với Khu lưu trú (resort sinh thái nghỉ dưỡng).

- Phía Đông khu đất: Giáp đường giao thông từ QL 217 đi TT xã Vĩnh An.

- Phía Tây khu đất: Giáp với ruộng lúa và núi đá.

c3) Đất dịch vụ du lịch - Khu trung tâm du lịch (TTDL)

- Quy mô: Diện tích khoảng 2,0ha.

- Phạm vi: Toàn bộ khu đất xây dựng khu trung tâm dịch vụ nằm bên tuyến đường kết nối hệ thống quốc lộ, liên xã vào trong khu.

- Chức năng: Đón tiếp và cung cấp các dịch vụ cho du khách tiếp cận khu vực theo đường bộ từ hướng Quốc lộ 217.

- Khuyến khích: Đầu tư xây dựng đồng bộ, đáp ứng việc phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

- Hạn chế: Hạn chế xây dựng công trình cao tầng.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm việc chia nhỏ thành các lô đất riêng biệt.

c4) Đất dịch vụ du lịch - Khu vui chơi giải trí (DVGT)

- Quy mô: Diện tích khoảng 2,35ha.

- Phạm vi: Phía Nam trục cảnh quan chính, giáp bãi đỗ xe.

- Chức năng: Tổ chức các hoạt động, trò chơi giải trí đa dạng hấp dẫn phục vụ du khách.

- Khuyến khích: Tổ chức các trò chơi có chủ đề về văn hóa địa phương, không gian mở.

- Hạn chế: Xây dựng công trình mật độ xây dựng quá lớn.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm chuyển đổi chức năng khu đất.

c5) Đất dịch vụ du lịch - Khu ẩm thực giáp sông Mã (DVAT)

- Quy mô: Diện tích 0,35 ha.

- Phạm vi: Phía Đông khu bến thuyền sông Mã và phía Tây của dãy núi Thung Vình.

- Chức năng: Phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi ăn uống cho du khách tiếp cận từ Sông Mã và toàn khu du lịch.

- Khuyến khích: Xây dựng công trình mang phong cách dân gian, dạng nhà

nổi trên hồ.

- Hạn chế: Xây dựng công trình cao tầng.

c6) Đất lưu trú du lịch - Khách sạn (DODL04)

- Quy mô: Diện tích khoảng 0,90ha.

- Phạm vi: Nằm tiếp cận khu lưu trú thấp tầng và khu Trung tâm dịch vụ du lịch.

- Chức năng: Tổ chức các hoạt động lưu trú cho khách du lịch với hình thức khách sạn. Cung cấp các dịch vụ kèm theo, đáp ứng nhu cầu của du khách.

- Khuyến khích: Xây dựng phong cách kiến trúc hài hòa với cảnh quan chung toàn khu.

- Hạn chế: Hạn chế xây dựng theo phong cách kiến trúc ngoại lai, xây dựng mật độ quá lớn.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấm xây dựng công trình cao hơn 5 tầng.

c7) Đất lưu trú du lịch - Thấp tầng (DODL05)

- Quy mô: Diện tích khoảng 13,26ha.

- Phạm vi: Diện tích nằm sát chân núi phía Đông, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích.

- Chức năng: Nơi cung cấp dịch vụ lưu trú cho khách du lịch. Bên cạnh đó tổ chức các hoạt động và dịch vụ du lịch đi kèm, phục vụ nhu cầu của du khách.

- Khuyến khích: Xây dựng mật độ thấp, phong cách kiến trúc truyền thống.

- Hạn chế: Xây dựng các công trình cao tầng, phong cách kiến trúc hiện đại.

- Nghiêm cấm: Nghiêm cấp xây dựng công trình cao hơn 2 tầng.

c8) Các khu cây xanh cảnh quan (CX01, CX02, CX03)

- Quy mô: Diện tích khoảng 5,16ha.

- Phạm vi: Dọc hai bên kênh dẫn nước ra sông Mã.

- Chức năng: Không gian cảnh quan sinh thái tuyến đi thuyền từ bến thuyền sông Mã vào trong khu vực di tích.

- Khuyến khích: Trồng thêm các loại cây có hoa và để trạng thái phát triển theo kiểu rừng tự nhiên.

c9) Khu bến thuyền giáp phía Đông của đê sông Mã (BEN06)

- Quy mô: Diện tích khoảng 0,12ha.

- Phạm vi: Giáp đê sông Mã.

- Chức năng: Đón tiếp và cung cấp các dịch vụ du lịch phục vụ khách từ sông Mã chuyển sang thuyền nhỏ tham quan trong khu.

Việc đầu tư xây dựng các công trình cụ thể cần tuân thủ phạm vi bảo vệ đê điều theo quy định của pháp luật về Đê điều, đặc biệt lưu ý về hành lang bảo vệ cống Nham Thôn (Thung Nham) qua đê sông Mã. Các công trình xây dựng trên khu vực này cần đáp ứng khoảng cách từ phần xây đúc cuối cùng của cống trở ra mỗi phía 50 m.

c10) Đất dịch vụ - Thương mại (DV-TM01)

- Quy mô: Diện tích 0,96 ha.

- Phạm vi: Giáp phía Đông đường trục xã Vĩnh An.

- Chức năng: Là đất dịch vụ thương mại, kết hợp với phát triển các hoạt động du lịch toàn khu vực.

- Khuyến khích: Xây dựng các công trình mang bản sắc văn hóa địa phương, mật độ thấp.

- Hạn chế: Hạn chế xây dựng công trình cao quá 3 tầng.

d) Các khu dân cư

d1) Các khu vực dân cư hiện trạng (OHT01-05)

- Quy mô: Diện tích khoảng 8,4 ha.

- Phạm vi: Bao gồm các khu dân cư hiện trạng thuộc làng núi Sen.

- Chức năng: Là khu dân cư hiện trạng.

- Khuyến khích: Xây dựng các công trình thấp tầng; cải tạo đường làng, ngõ xóm; xây dựng các công trình mang bản sắc văn hóa truyền thống.

- Hạn chế: Hạn chế xây dựng các công trình cao hơn 3 tầng; phong cách kiến trúc ngoại lai.

d3) Các khu vực đất ở dân cư mới (DO01–05)

- Quy mô: Diện tích khoảng 6,30ha.

- Phạm vi: Bao gồm các khu dân cư mới dọc tuyến đường trục xã và đường dân sinh.

- Chức năng: Là khu dân cư ở mới.

- Khuyến khích: Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn khu; xây dựng các công trình thấp tầng; xây dựng các công trình mang bản sắc văn hóa truyền thống.

- Hạn chế: Hạn chế xây dựng các công trình cao hơn 3 tầng; phong cách kiến trúc ngoại lai.

d3) Đất ở kết hợp dịch vụ du lịch- Homestay (DODL01-03)

- Quy mô: Diện tích khoảng 2,15ha.

- Chức năng: Là khu ở được xây dựng theo mô hình nhà ở vườn phục vụ cho hoạt động phát triển du lịch cộng đồng.

- Khuyến khích: Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn khu; xây dựng các công trình thấp tầng; xây dựng các công trình mang bản sắc văn hóa truyền thống.

- Hạn chế: Hạn chế xây dựng các công trình cao hơn 2 tầng; phong cách kiến trúc ngoại lai.

5.2.2. Định hướng tổ chức không gian, tôn tạo kiến trúc cảnh quan di tích

a) Khu vực bảo vệ di tích

a1) Khu vực bảo vệ I

- Khu vực bảo vệ I bao gồm núi đá, đầm lầy, hồ nước chủ yếu giữ nguyên trạng, có thể xây dựng một số công trình quy mô nhỏ phục vụ phát huy giá trị di tích như: các điểm ngắm cảnh, đường dạo lên núi và trên đầm lầy.

- Các công trình xây dựng thấp tầng, dùng các vật liệu tự nhiên như tre, gỗ, lá cọ, đá… theo phong cách kiến trúc truyền thống.

- Chú trọng trồng các cây xanh bản địa và đặc trưng của khu vực. Cây được trồng xen đảm bảo bố cục tự nhiên, không trồng cây quá cách đều làm mất vẻ tự nhiên.

a2) Khu vực bảo vệ II của di tích

- Chủ yếu trồng cây hoặc giữ nguyên trạng thái thông thoáng tạo không gian che chắn, cách ly, chuyển tiếp nhằm hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của các hoạt động ngoài khu vực bảo vệ và giữ gìn không gian thiên nhiên sinh thái trong các khu vực bảo vệ I.

- Các công trình xây dựng thấp tầng, dùng các vật liệu tự nhiên như tre, gỗ, lá cọ, đá… theo phong cách kiến trúc truyền thống.

- Chú trọng trồng các cây xanh bản địa và đặc trưng của khu vực.

b) Khu vực phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch

- Khu đất lưu trú du lịch – khách sạn được xây dựng từ 3 - 5 tầng.

- Các khu đất khác được xây dựng các công trình thấp tầng (từ 1 - 3 tầng), khai thác phong cách kiến trúc truyền thống, xu hướng sử dụng các vật liệu tự nhiên như gỗ, tre, luồng, lá cọ, đất nung như gạch, đá…

c) Các khu đất ở dân cư liên quan

c1) Đất ở hiện trạng cải tạo

- Chủ yếu xây dựng các công trình thấp tầng (từ 1 - 2 tầng) để không làm ảnh hưởng tới không gian cảnh quan chung.

- Tôn tạo, cải tạo đường làng, ngõ xóm xanh, sạch đẹp theo các tiêu chí nông thôn mới.

c2) Đất ở mới

- Chủ yếu xây dựng các công trình thấp tầng (giáp khu vực bảo vệ di tích định hướng xây dựng nhà vườn độ cao từ 1 - 2 tầng, các khu vực khác có thể xây dựng 3 tầng) để không làm ảnh hưởng tới không gian cảnh quan chung.

- Các công trình được khuyến khích xây dựng mật độ thấp và mang phong cách kiến trúc dân gian, truyền thống.

d) Các khu cây xanh, cảnh quan: Chú trọng trồng cây xanh, xây dựng sân, đường dạo, quán nghỉ, tạo không gian nghỉ ngơi cho du khách.

đ) Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật được xây dựng thấp tầng, trồng cây xanh che chắn.

- Một số hạng mục công trình cần nghiên cứu về mặt kiến trúc, vừa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, vừa hòa hợp với canh quan chung.

5.2.3. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

a) Cơ cấu sử dụng đất

TT	LOẠI ĐẤT	KÍ HIỆU	DT ĐẤT (M2)	TỶ LỆ (%)
A	**KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH**		**1.099.054**	**63,3**
I	**KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH I**		**971.619**	**56,0**
1	ĐẤT CHÙA LINH ỨNG	DT01	16.583	1,0
2	ĐẤT CHÙA LIÊN HOA	DT02	5.727	0,3
3	ĐẤT ĐỒI NÚI	DN	639.099	36,8
4	ĐẤT HỒ CÂY ẤU	CXMN01	143.926	8,3
5	ĐẤT ĐẦM LẦY	ĐLAY	97.030	5,6
6	ĐẤT THUNG LŨNG NGUYỄN VĂN TỐ	TLNVT	5.778	0,3
7	ĐẤT BẾN THUYỀN	BEN	9.611	0,6
8	ĐẤT ĐẢO CÒ	ĐCO	8.147	0,5
9	ĐẤT CẢNH QUAN NÔNG NGHIỆP	NN01	34.997	2,0
10	ĐẤT GIAO THÔNG	-	10.721	0,6
II	**KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH II**		**127.435**	**7,3**
1	ĐẤT DI TÍCH NGHÈ MỐI	DT03	3.354	0,2
2	ĐẤT CẢNH QUAN NÔNG NGHIỆP	NN02	58.834	3,4
3	ĐẤT TRẢI NGHIỆM VĂN HÓA		20.878	1,2
4	ĐẤT XÂY XANH MẶT NƯỚC	CXMN02	42.146	2,4
5	ĐẤT GIAO THÔNG		2.223	0,1
B	**KHU VỰC CẢNH QUAN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**		**636.306**	**36,7**
	ĐẤT DU LỊCH		**196.397**	**12,6**
I	**ĐẤT BÃI ĐỖ XE**	**BDX01**	**6.471**	**0,4**
II	**ĐẤT DỊCH VỤ DU LỊCH**		**188.726**	**12,1**
1	ĐẤT TRUNG TÂM DU LỊCH	TTDL	20.052	1,2
2	ĐẤT KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ	DVGT	23.463	1,4
3	ĐẤT KHU ẨM THỰC	DVAT01	3.515	0,2
5	ĐẤT LƯU TRÚ DU LỊCH - KHÁCH SẠN	DODL04	9.050	0,5
6	ĐẤT LƯU TRÚ DU LỊCH - THẤP TẦNG	DODL05	132.646	7,6
III	**ĐẤT BẾN THUYỀN - PHÍA ĐÔNG SÔNG MÃ**	**BEN06**	**1.200**	**0,1**
	ĐẤT Ở DÂN CƯ		**168.505**	**9,7**
1	ĐẤT Ở LÀNG XÓM	OHT	84.027	4,8
2	ĐẤT Ở MỚI	DO	62.988	3,6
3	ĐẤT Ở KẾT HỢP DỊCH VỤ DU LỊCH		21.490	1,2

TT	LOẠI ĐẤT	KÍ HIỆU	DT ĐẤT	TỶ LỆ
			(M2)	(%)
	(HOMESTAY)			
	ĐẤT KHÁC		**271.404**	**15,6**
I	**ĐẤT DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI**	**DV-TM01**	**9.601**	**0,6**
II	**ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG**	**CX**	**51.610**	**3,0**
III	**ĐẤT ĐỒI NÚI**	**DN04**	**52.532**	**3,0**
IV	**MẶT NƯỚC (SÔNG, KÊNH, RẠCH)**	**MN**	**39.818**	**2,3**
V	**ĐẤT GIAO THÔNG**	**-**	**117.843**	**6,8**
	Giao thông liên xã		31.900	
	Giao thông nội bộ khu		85.943	
	TỔNG		**1.735.360**	**100,0**

b) Chi tiết các chỉ tiêu sử dụng đất

TT	LOẠI ĐẤT	KÍ HIỆU	DT ĐẤT	MĐ XD	TCTĐ	DT XD	DT SÀN	HS SDĐ	TỶ LỆ
			(M2)	(%)	TẦNG)	(M2)	(M2)	(LẦN)	(%)
A	**KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH**		**1.099.054**						**63,3**
I	**KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH I**		**971.619**						**56,0**
1	**ĐẤT CHÙA LINH ỨNG**	**DT01**	**16.583**	**10**		**1.660**	**2.490**	**0,15**	**1,0**
2	**ĐẤT CHÙA LIÊN HOA**	**DT02**	**5.727**	**20**		**1.150**	**1.730**	**0,30**	**0,3**
3	**ĐẤT ĐỒI NÚI**	**DN**	**639.099**	**-**				**-**	**36,8**
a		DN01	626.092			1.250	1.250	0,00	
	Đất xây dựng công trình		12.520	10	2,0	1.250	1.250	0,10	
	Đất giao thông đường dạo nội bộ		31.300	-		-	-	-	
	Đất cây xanh		582.270	-		-	-	-	
b		DN02	11.927	-		-	-	-	
c		DN03	1.080	-		-	-	-	
4	**ĐẤT HỒ CÂY ẤU**	**CXMN01**	**143.926**		1,0	290	290	0,00	**8,3**
	Đất xây dựng công trình		2.880	10		290	290	0,10	
	Đất giao thông đường dạo nội bộ		7.200	-		-	-	-	
	Đất cây xanh		133.850	-		-	-	-	
5	**ĐẤT ĐẦM LẦY**	**ĐLAY**	**97.030**		2,0	190	190	0,00	**5,6**
	Đất xây dựng		1.940	10		190	190	0,10	

TT	LOẠI ĐẤT	KÍ HIỆU	DT ĐẤT	MĐ XD	TCTĐ	DT XD	DT SÀN	HS SDĐ	TỶ LỆ
			(M2)	(%)	TẦNG)	(M2)	(M2)	(LẦN)	(%)
	công trình								
	Đất giao thông đường dạo nội bộ		4.850	-		-	-	-	
	Đất cây xanh		90.240	-		-	-	-	
6	**ĐẤT THUNG LŨNG NGUYỄN VĂN TỐ**	**TLNVT**	**5.778**	**10**	**1,0**	580	580	0,10	**0,3**
7	**ĐẤT BẾN THUYỀN**	**BEN**	**9.611**					-	**0,6**
		BEN01	5.614	10	2,0	560	840	0,15	
		BEN02	500	-		-	-	-	
		BEN03	622	20	2,0	120	180	0,29	
		BEN04	1.386	10	2,0	140	210	0,15	
		BEN05	1.489	-		-	-	-	
8	**ĐẤT ĐẢO CÒ**	**ĐCO**	**8.147**	-		-	-	-	**0,5**
9	**ĐẤT CẢNH QUAN NÔNG NGHIỆP**	**NN01**	**34.997**	-		-	-	-	**2,0**
10	**ĐẤT GIAO THÔNG**	-	**10.721**	-		-	-	-	**0,6**
II	**KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH II**		**127.435**						**7,3**
1	**ĐẤT DI TÍCH NGHÈ MỚI**	**DT03**	**3.354**	**5**	**2,0**	**170**	**260**	**0,08**	**0,2**
2	**ĐẤT CẢNH QUAN NÔNG NGHIỆP**	**NN02**	**58.834**	-	**1,0**	-	-	-	**3,4**
3	**ĐẤT VĂN HÓA**		**20.878**						**1,2**
	Đất quảng trường và biểu diễn văn hóa, nghệ thuật	QT-SKN	4.611	5	1,0	230	230	0,05	
	Đất trải nghiệm văn hóa	TNVH01	16.267	5	1,0	810	810	0,05	
4	**ĐẤT XÂY XANH MẶT NƯỚC**	**CXMN02**	**42.146**	**2**	**1,0**	**840**	**840**	**0,02**	**2,4**
5	**ĐẤT GIAO THÔNG**		**2.223**	-		-	-	-	**0,1**
B	**ĐẤT DU LỊCH**		**196.397**						**12,6**
I	**ĐẤT BÃI ĐỖ XE**	**BDX01**	**6.471**	**5**	**1,0**	**320**	**320**	**0,05**	**0,4**

TT	LOẠI ĐẤT	KÍ HIỆU	DT ĐẤT	MĐ XD	TCTĐ	DT XD	DT SÀN	HS SDĐ	TỶ LỆ
			(M2)	(%)	TẦNG)	(M2)	(M2)	(LẦN)	(%)
II	**ĐẤT DỊCH VỤ DU LỊCH**		**188.726**						**12,1**
1	**ĐẤT TRUNG TÂM DU LỊCH**	**TTDL**	**20.052**	**20**	**3,0**	**4.010**	**6.020**	**0,30**	**1,2**
2	**ĐẤT KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ**	**DVGT**	**23.463**	**5**	**2,0**	**1.170**	**1.760**	**0,08**	**1,4**
3	**ĐẤT KHU ẨM THỰC**	**DVAT01**	**3.515**	**20**	**2,0**	**700**	**1.050**	**0,30**	**0,2**
5	**ĐẤT LƯU TRÚ DU LỊCH - KHÁCH SẠN**	**DODL04**	**9.050**	**30**	**5,0**	**2.720**	**8.160**	**0,90**	**0,5**
6	**ĐẤT LƯU TRÚ DU LỊCH - THẤP TẦNG**	**DODL05**	**132.646**	**10**	**2,0**	**13.260**	**19.890**	**0,15**	**7,6**
III	**ĐẤT BẾN THUYỀN - PHÍA ĐÔNG SÔNG MÃ**	**BEN06**	**1.200**	**20**	**2,0**	**240**	**360**	**0,3**	**0,1**
C	**ĐẤT Ở DÂN CƯ**		**168.505**						**9,7**
I	**ĐẤT Ở LÀNG XÓM**	**OHT**	**84.027**						**4,8**
		OHT01	7.605		3,0	-	-		
		OHT02	17.629		3,0	-	-		
		OHT03	27.496		3,0	-	-		
		OHT04	23.483		3,0	-	-		
		OHT05	7.814		3,0	-	-		
2	**ĐẤT Ở MỚI**	**DO**	**62.988**						**3,6**
		DO01	8.741	60	3,0	5.240	15.720	1,80	
		DO02	18.168	60	3,0	10.900	32.700	1,80	
		DO03	11.076	60	3,0	6.650	19.950	1,80	
		DO04	8.998	60	3,0	5.400	16.200	1,80	
		DO05	16.005	60	3,0	9.600	28.800	1,80	
3	**ĐẤT Ở KẾT HỢP DỊCH VỤ DU LỊCH (HOMESTAY)**		**21.490**						**1,2**
		DODL01	6.869	60	2,0	4.120	8.240	1,2	
		DODL02	7.327	60	2,0	4.400	8.800	1,2	
		DODL03	7.294	60	2,0	4.380	8.760	1,2	
D	**ĐẤT KHÁC**		**271.404**						**15,6**
I	**ĐẤT DỊCH VỤ-THƯƠNG MẠI**	**DV-TM01**	**9.601**	**50**	**3,0**	**4.800**	**14.400**	**1,00**	**0,6**
II	**ĐẤT CÂY**	**CX**	**51.610**						**3,0**

TT	LOẠI ĐẤT	KÍ HIỆU	DT ĐẤT	MĐ XD	TCTĐ	DT XD	DT SÀN	HS SDĐ	TỶ LỆ
			(M2)	(%)	TẦNG)	(M2)	(M2)	(LẦN)	(%)
	XANH CÔNG CỘNG								
		CX01	17.093	-		-	-	-	
		CX02	4.616	-		-	-	-	
		CX03	29.901	-		-	-	-	
III	**ĐẤT ĐỒI NÚI**	**DN04**	**52.532**	**-**		**-**	**-**	**-**	**3,0**
IV	**MẶT NƯỚC (SÔNG, KÊNH, RẠCH..)**	**MN**	**39.818**						**2,3**
		MN01	3.929	-		-	-	-	
		MN02	31.857	-		-	-	-	
		MN03	4.032	-		-	-	-	
V	**ĐẤT GIAO THÔNG**	**-**	**117.843**						**6,8**
	Giao thông liên xã		31.900	-		-	-	-	
	Giao thông nội bộ khu		85.943	-		-	-	-	
	TỔNG		**1.735.360**						**100,0**

5.3. Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững

5.3.1. Các điểm tiếp cận của khách du lịch

a) Đường bộ:

- Từ hướng Quốc lộ 217.

- Từ hướng đê sông Mã.

b) Đường thủy: Từ tuyến du lịch Sông Mã, trong đó có điểm dừng tại bờ sông Mã, phía Nam khu vực lập quy hoạch.

5.3.2. Phát triển các sản phẩm du lịch

a) Loại hình du lịch

* Du lịch văn hóa - sinh thái

- Tham dự các ngày đại lễ tại chùa Linh Ứng.

- Tham quan các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng.

- Tìm hiểu các văn khắc, văn bia.

- Thưởng thức trình diễn chèo chải, tuồng bội,…

- Tham dự các trò chơi dân gian.

- Tìm hiểu, ngắm nhìn, chụp ảnh các loại động thực vật.

* Du lịch tham quan

- Tham quan các di tích.

- Ngồi trên thuyền ngắm cảnh quan đầm lầy.

- Tham quan các hang động, ngắm cảnh quan núi đá và đầm lầy.

* Du lịch trải nghiệm

- Trải nghiệm các hoạt động nông nghiệp như hái sen, thu hoạch ấu,...

- Trải nghiệm các hoạt động thể thao như leo núi, đạp xe,...

- Trải nghiệm văn hóa truyền thống địa phương như hát tuồng, bội, hát chèo, hát văn và thực hành các hoạt động diễn xướng văn hóa truyền thống.

* Các loại hình du lịch khác

- Vui chơi giải trí tại khu vui chơi giải trí hoặc với các hoạt động trên hồ.

- Du lịch cộng đồng,...

b) Các dịch vụ du lịch

Trong khu vực sẽ cung cấp đa dạng các dịch vụ với các loại hình dịch vụ chính như sau:

- Đặc sản và hàng lưu niệm: Tổ chức sản xuất, bán và phục vụ khách thưởng thức tại chỗ các sản phẩm hàng hóa du lịch từ các nguyên vật liệu khai thác trong khu như: Các sản phẩm từ sen (trà sen, lụa sen, các sản phẩm đan lát từ sen,…), củ ấu,…

- Ẩm thực: Dê núi Kim Sơn; các loại cá, ốc…; các loại bánh trái, ẩm thực khác đặc sắc quanh vùng.

- Lưu trú: Có nhiều hình thức lưu trú khác nhau được tổ chức phục vụ nhu cầu của du khách: Lưu trú khách sạn; lưu trú tại các khu nghỉ thấp tầng gắn với không gian sinh thái; lưu trú tại các homstay cùng đồng bào địa phương; cắm trại,...

- Dịch vụ vận chuyển: Dịch vụ vận chuyển bằng thuyền trên các hồ, kênh, suối; dịch vụ vận chuyển bằng xe điện, xe súc vật kéo như (trâu, ngựa,...).

c) Các tuyến du lịch

- Thắng cảnh Kim Sơn - Khu di tích Phủ Trịnh - Thành Nhà Hồ;

- Thắng cảnh Kim Sơn - Khu di tích đền Cô Bơ;

- Sầm Sơn - Thắng cảnh Kim Sơn;

- Tuyến du lịch đường thủy từ Cửa Hới tới Vĩnh Lộc.

d) Tuyên truyền, quảng bá

- Mở rộng các chương trình giới thiệu, quảng bá về giá trị di tích, tiềm năng du lịch địa phương trên các phương tiện truyền thanh, truyền hình, phim, ảnh, sách báo, tạp chí, các phương tiện thông tin truyền thông ở trong và ngoài nước.

- Nâng cấp đường truyền và nội dung Website giới thiệu quảng bá du lịch của địa phương. Website có thể nâng cấp với một số tiêu mục cụ thể:

+ Nâng cấp Cơ sở dữ liệu sách, bài viết.

+ Bổ sung thêm nhiều thư viện hình ảnh, media,…

+ Bổ sung thêm các chương trình: Tổ chức sắp xếp lịch đặt tour du lịch, hành hương, đặt nơi ăn nghỉ,...

+ Giới thiệu chi tiết Hệ thống các điểm di tích, du lịch liên quan của địa phương.

+ Quảng bá, giới thiệu các hoạt động du lịch của địa phương với du khách trong và ngoài nước.

+ Giới thiệu mở rộng các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa địa phương,…

e) Đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo nguồn nhân lực có đủ trình độ kiến thức về văn hóa, lịch sử, kỹ năng du lịch để hướng dẫn khách tham quan và hướng dẫn khách trải nghiệm các hoạt động.

- Xây dựng đội văn nghệ biểu diễn các làn điệu hát múa dân gian truyền thống.

- Khuyến khích nhân dân trong vùng tham gia làm du lịch, phát triển du lịch cộng đồng.

5.4. Định hướng cải tạo, xây dựng hạ tầng kỹ thuật

5.4.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền

- San nền, đào đắp cục bộ phục vụ các công trình xây dựng, tận dụng địa hình tự nhiên.

- Đảm bảo việc tiêu, thoát nước.

- Đảm bảo giữ mực nước cố định trong các hồ, đầm lầy và kênh.

Tổng thể khu vực nghiên cứu là 1 lưu vực, san nền cục bộ theo hướng thoát chính của khu vực về hồ nước, kênh, suối trung tâm khu vực quy hoạch. Các diện tích mặt nước trong khu vực nghiên cứu được nối thông với nhau và được thoát ra sông Mã thông qua cống điều tiết.

b) Thoát nước mưa

* Hướng thoát nước mưa

- Tận dụng tối đa độ dốc địa hình tự nhiên hoặc bề mặt khu vực tạo ra các lưu vực thoát nước mưa là cơ sở để phân chia lưu vực thoát nước.

- Nước mưa được thu gom và dẫn đến các điểm xả theo con đường ngắn nhất bằng tự chảy.

- Khi thoát nước mưa không làm ảnh hưởng đến cuộc sống người dân trong khu hoặc gây ra các tác động môi trường.

- Nước mưa trên đường theo rãnh dọc đường thu về các hố ga thu nước mưa trực tiếp đổ vào các hố ga, hố thăm.

* Mạng lưới thoát nước mưa

- Toàn bộ diện tích thoát nước mưa trong phạm vi dự án được thoát thẳng ra sông, hồ, mương gần nhất.

- Hệ thống thoát nước mưa bao gồm các tuyến cống bê tông cốt thép D600-800, các hố thu nước mưa trực tiếp lòng đường và các hố ga thăm dọc tuyến cống.

- Hệ thống rãnh B500 thu nước tiếp giáp giữa dự án và vùng đồi núi để thu lượng nước chảy từ núi xuống.

5.4.2. Quy hoạch hệ thống giao thông

* Giao thông đối ngoại

- Trên cơ sở tuyến đường hiện có, quy hoạch tuyến D1, hướng Bắc đi đường Quốc lộ 217, hướng Nam đi xã Vĩnh An. Quy hoạch mặt cắt 1-1, có bề rộng mặt đường 10,5m, hè hai bên rộng 5,0m, bề rộng chỉ giới đường đỏ 20,5m.

- Tuyến du lịch đường thủy Sông Mã.

* Giao thông đối nội

- Các tuyến đường giao thông nội bộ trong khu vực quy hoạch.

Trục chính tuyến N1, mặt cắt A-A: Có chiều rộng lòng đường 20,0m; vỉa hè (hoặc lề đường) hai bên 2x7,5m. Lộ giới 35,0m.

Mặt cắt 1A-1A: Tuyến D2 có chiều rộng lòng đường 7,0m; vỉa hè (hoặc lề đường) hai bên 2x3,0m. Lộ giới 13,0m.

Mặt cắt 1A-1A: Tuyến D3 có chiều rộng lòng đường 7,0m; vỉa hè (hoặc lề đường) hai bên 2x3,0m. Lộ giới 13,0m.

Mặt cắt 2-2: Tuyến N2 có chiều rộng lòng đường 7,0m; vỉa hè (hoặc lề đường) hai bên 2x5,0m. Lộ giới 17,0m.

Mặt cắt 3-3: Tuyến D4, N2A có chiều rộng lòng đường 5,0m; vỉa hè (hoặc lề đường) hai bên 2x3,0m. Lộ giới 7,0m.

Mặt cắt 4-4: Tuyến N3, N4 có chiều rộng lòng đường 3,0 - 6,0m.

- Đường thủy: Khu vực có đoạn sông, hồ, lòng sông, hồ rộng có thể đáp ứng được khả năng vận hành của một số tàu thuyền nhỏ, có thể phục vụ cho mục đích du lịch đường thủy trong khu vực.

- Hệ thống đường đi bộ: Hệ thống đường đi bộ được quy hoạch nhằm khuyến khích các hoạt động đi bộ, thúc đẩy các hoạt động giao tiếp và tiếp cận thuận lợi các công trình trong khu vực. Hệ thống đường giao thông đi bộ chính trong khu vực quy hoạch gồm các tuyến vỉa hè gắn liền với các tuyến đường giao thông có mặt cắt ngang điển hình rộng 2,0m-6,0m.

* Bãi đỗ xe:

- Quy hoạch 01 bãi đỗ xe (BDX-01) diện tích 6.471m2 tại khu trung tâm. Tại đây bố trí chủ yếu phục vụ xe điện, xe bốn chỗ gia đình, xe máy và xe đạp trong những thời điểm khách du lịch ít.

- Dự kiến bố trí thêm một bãi đỗ xe chính tại vị trí tiếp giáp ranh giới khu vực quy hoạch có quy mô khoảng 2,0 ha theo kế hoạch của địa phương. Vị trí cụ thể: Phía Bắc khu đất: Giáp với ruộng lúa; Phía Nam khu đất: Giáp với Khu lưu trú (resort sinh thái nghỉ dưỡng); Phía Đông khu đất: giáp đường giao thông từ QL 217 đi trung tâm xã Vĩnh An; Phía Tây khu đất: Giáp với ruộng lúa và núi đá.

5.4.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

a) Nguồn nước: Khu vực nghiên cứu hiện chưa có nguồn nước sạch và quy hoạch dự kiến lấy nước từ nguồn Nhà máy nước Vĩnh Hùng (quy hoạch giai đoạn 2040-2070 với công suất 9.000 m3/ng.đêm).

b) Mạng lưới đường ống cấp nước

- Xây dựng hệ thống mạng lưới cấp nước phân phối D110mm đến D250mm dọc các tuyến đường quy hoạch đấu nối từ các tuyến ống cấp nước truyền dẫn tạo thành mạng cấp nước vòng khép kín, để cấp nước tới từng khu chức năng trong khu quy hoạch và cấp nước chữa cháy. Với đường ống D110-D250mm dùng ống gang dẻo hoặc ống HDPE.

- Xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước dịch vụ D50mm đến D63mm đấu nối với hệ thống mạng lưới cấp nước phân phối trong khu quy hoạch, tuyến cấp nước dịch vụ được bố trí dọc theo mạng đường quy hoạch đảm bảo cấp nước đến từng đối tượng sử dụng nước trong khu quy hoạch, với đường ống D50 - D63mm dùng ống nhựa HDPE.

- Đối với các công trình cao tầng, tuỳ theo áp lực trong mạng lưới ống chính cần có các giải pháp cấp nước cụ thể. Trong trường hợp áp lực không đủ cần phải xây dựng bể chứa và trạm bơm tăng áp cục bộ. Trong đồ án có xác định ống cấp nước vào các công trình. Có đề xuất hai giải pháp cấp nước cho các nhà cao tầng.

- Xây dựng bể chứa, trạm bơm riêng cho từng cụm công trình.

- Xây dựng bể chứa, trạm bơm biến tần cho dự án bơm nước từ bơm biến tần đến thiết bị từng công trình.

- Vị trí ống dẫn vào công trình, bể chứa trạm bơm cũng như các thông số kỹ thuật khác sẽ được được đặt dự kiến ở khu hạ tầng của dự án, tuy nhiên đây là giai đoạn cơ sở nên về quy mô công suất trạm là dự kiến, để giai đoạn thi công sẽ chi tiết từng hạng mục trong phần trạm.

- Các tuyến ống cấp nước phân phối được bố trí trên hè, đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với các công trình ngầm khác theo quy chuẩn quy định.

c) Giải pháp cấp nước cứu hỏa: Nước chữa cháy cho các khu, ngoài lấy từ hệ thống hồ cảnh quan nằm trong dự án để chữa cháy khi có sự cố xảy ra tuy nhiên trên mạng lưới vẫn bố trí trụ cứu hỏa phòng trường hợp nước ở hồ cảnh quan không đủ.

5.4.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện

a) Nguồn điện

- Nguồn điện cấp cho dự án được cấp từ đường dây 35 KV hiện có nằm ở phía Đông Bắc của khu vực quy hoạch.

- Tiến hành xây dựng 01 hệ thống cột hạ ngầm tuyến điện cao thế để cấp điện đến các trạm biến áp trong dự án. Trạm biến áp là trạm kín kiểu kios hợp bộ, đặt tại vị trí khu cây xanh của khu vực quy hoạch.

- Toàn bộ tuyến điện 10KV, 35KV, 0.4 KV trên không đi qua dự án sẽ được hạ ngầm để đảm bảo mỹ quan cho toàn khu.

b) Trạm biến áp

- Hệ thống trạm biến áp trong quy hoạch sử dụng trạm kiểu kín (GIS) loại trạm kiot, hợp bộ đặt ở vị trí trạm biến áp cũ để đảm bảo mỹ quan và thuận tiện cho việc vận hành. Thiết bị đóng cắt trung thế RMU-35(22)kV loại 3 đến 4 ngăn nhằm tạo mạch vòng để đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện.

- Từ tủ hạ thế của các trạm biến áp các lộ cáp 0,4kV cấp đến các tủ phân phối của các hạng mục công trình. Tủ phân phối làm bằng tôn sơn tĩnh điện 2 lớp màu ghi sáng đảm bảo độ kín IP55. Các tủ này được đặt trên vỉa hè hoặc lề các tuyến đường quy hoạch tại vị trí phù hợp.

c) Đường dây trung thế, hạ thế

* Đường dây trung thế

- Hệ thống cáp ngầm trung thế 35kV sử dụng loại cáp có đặc tính chống thấm dọc đi ngầm đất có bảo vệ. Đoạn qua đường luồn ống nhựa siêu bền để bảo vệ cáp.

- Hào cáp được đào sâu so với cốt san nền. Đoạn cáp qua đường hào cáp được đào sâu hơn và cách mép vỉa hè tối thiểu 0,5m, đặt ống nhựa siêu bền để luồn cáp.

* Đường dây hạ thế

- Hệ thống hạ thế cấp điện cho các khu vực sử dụng các tủ phân phối cấp điện trực tiếp, được đi ngầm đất có bảo vệ, đoạn cáp qua đường luồn ống nhựa chịu lực để bảo vệ. Đoạn cáp điện từ tủ phân phối vào các công trình được luồn ống nhựa chôn trực tiếp đất.

- Hào cáp được đào sâu so với cốt san nền. Đoạn cáp qua đường hào cáp được đào sâu hơn và cách mép vỉa hè tối thiểu 0,5m, đặt ống nhựa siêu bền để luồn cáp.

* Chiếu sáng

- Hệ thống chiếu sáng quy hoạch là đèn bóng cao áp, choá đèn sản xuất chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quy định, chịu được xâm thực của môi trường.

- Cột đèn cao áp được dùng tùy theo yêu cầu thẩm mỹ.

- Nguồn điện cho chiếu sáng đèn đường ~ 380/220KV sẽ lấy từ 1 lộ trong tủ phân phối điện hạ thế của trạm biến gần nhất.

- Tủ điều khiển chiếu sáng có khả năng tự động đóng cắt các tuyến đèn

theo chế độ thời gian định sẵn nhằm tiết kiệm điện năng, được đặt trên vỉa hè quy hoạch có cấp độ bảo vệ IP55.

- Cáp điện chiếu sáng luồn ống nhựa chịu lựcchôn ngầm trực tiếp trong đất có bảo vệ ở độ sâu cách mặt đất 0,8m trong phạm vi vỉa hè.

- Hào cáp chiếu sáng được đào sâu so với cốt san nền. Đoạn cáp qua đường hào cáp được đào sâu hơn và cách mép vỉa hè tối thiểu 0,5m, đặt ống nhựa siêu bền để luồn cáp.

5.4.5. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

a) Hệ thống thông tin di dộng: Xây dựng các trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS) thân thiện với môi trường, có khả năng dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông trong phạm vi quy hoạch. Bố trí quỹ đất xây dựng các trạm BTS tại các khu vực đất công cộng trong khu vực quy hoạch.

b) Hệ thống cáp viễn thông: Tất cả các loại cáp viễn thông được đi ngầm trong hệ thống đường ống, cống, bể cáp trên hành lang, vỉa hè của các tuyến đường chính trong phạm vi quy hoạch để đảm bảo an toàn, mỹ quan và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác trong phạm vi quy hoạch.

5.3.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Hướng thoát nước thải: Theo định hướng thoát nước của đồ án, nước thải được thu gom, vận chuyển về trạm xử lý nước thải riêng tại khu đất hạ tầng của dự án (dự kiến xây dựng phía Tây Bắc ô đất quy hoạch HT01). Nước thải sẽ được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường (cột B QCVN14:2008/BTNMT) trước khi ra nguồn tự nhiên.

b) Mạng lưới thoát nước thải

- Một số công trình nhỏ, nằm độc lập trong các khu cây xanh và núi đá, có khối lượng nước thải không lớn sẽ được xử lý cục bộ bằng hệ thống bể tự hoại, thoát thấm vào đất hoặc vào diện tích mặt nước.

- Hệ thống cống thoát nước thải được thiết kế xây dựng là các đường cống HDPE có độ dốc tối thiểu i= 1/D (D là đường kính cống).

- Xây dựng các tuyến cống thoát nước thải từ D300 dọc các tuyến đường quy hoạch để thu gom nước thải đưa về trạm xử lý nước thải riêng của khu quy hoạch.

- Dọc tuyến cống thoát nước thải xây dựng các giếng kiểm tra tại các điểm chuyển hướng, giao nhau và dọc tuyến theo quy định. Vị trí các giếng thăm, ga thu sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng.

- Trên mạng lưới thoát nước thải, bố trí các giếng thăm chờ để đấu nối với hệ thống thoát nước thải từ bên trong ô đất xây dựng công trình.

- Tất cả các đường cống thoát nước phải chôn sâu dưới mặt đất ít nhất là 0,5m tính đến đỉnh cống nhưng không lớn hơn 3,0 m tính đến đáy cống, khi đạt trị số này sẽ phải sử dụng trạm bơm chuyển bậc đưa nước thải đến cao độ và vị trí mới.

- Trạm bơm sử dụng máy bơm thả chìm, đặt trong hố ga kín có ống thông hơi xả mùi hôi (xả ở độ cao > 3,0m, không cần khoảng cách ly).

c) Hệ thống thu gom rác thải

- Hệ thống rác thải được thu gom bằng cách đặt các thùng chứa rác công công dọc theo các tuyến đường đi và tại các khu vực tập trung đông người với khoảng cách khoảng 50m/thùng.

- Rác thải tại các thùng rác được thu gom hàng ngày và tập trung đưa về khu vực xử lý rác tập trung tại Nhà máy xử lý rác sinh hoạt tại xã Vĩnh Hòa.

- Bố trí nhân lực vệ sinh, quét dọn, thu gom rác hằng ngày.

d) Hệ thống nhà vệ sinh công cộng

- Trong khu vực xây dựng một số nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách tham quan, bố trí tại các khu dịch vụ và một số vị trí khuất dọc các tuyến đường dạo.

- Các nhà vệ sinh xây dựng thấp, cần nghiên cứu giải pháp kiến trúc và không gian đảm bảo không ảnh hưởng xấu đến cảnh quan chung.

e) Nghĩa trang: Di dời các mộ cũ (nếu có) ra khỏi khu vực quy hoạch.

5.3.7. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ giới đường đỏ các tuyến đường quy hoạch được xác định trên cơ sở tọa độ tim đường, mặt cắt ngang điển hình và các yếu tố kỹ thuật khống chế ghi trực tiếp trên bản vẽ.

- Chỉ giới xây dựng được xác định để đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và kiến trúc cảnh quan; chỉ giới xây dựng cụ thể của từng công trình được xác định theo cấp đường quy hoạch theo quy định của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật tuân thủ theo đúng Quy chuẩn, tiêu chuẩn quy phạm ngành.

5.5. Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư

5.5.1. Các nhóm dự án thành phần

a) Nhóm dự án đền bù, giải phóng mặt bằng, cắm mốc giới bảo vệ di tích

Bao gồm các công việc chính:

- Đền bù giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư.

- Đền bù các vật kiến trúc và tài sản trên đất.

- Cắm mốc giới quy hoạch và mốc giới bảo vệ di tích.

b) Nhóm dự án bảo vệ danh lam thắng cảnh, hang động và hệ thống bia ma nhai tại di tích

- Ngăn chặn các tác động tiêu cực đến thắng cảnh, hang động và hệ thống bia ma nhai.

- Phục hồi rừng và hệ sinh thái.

- Hạn chế và ngừng khai thác các mỏ đá; chuyển đổi sinh kế cho các hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống, khai thác tài nguyên gây ảnh hưởng tiêu cực trong

thắng cảnh.

c) Nhóm dự án tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích

- Bảo tồn tôn tạo các công trình di tích hiện hữu.

- Xây dựng mới các công trình di tích và các công trình phát huy giá trị di tích và phụ trợ còn thiếu trong phạm vi bảo vệ di tích.

- Tôn tạo cảnh quan trong di tích.

d) Nhóm dự án xây dựng các công trình phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch

- Xây dựng các công trình phát huy giá trị di tích và các công trình dịch vụ du lịch.

- Xây dựng các vườn hoa, khu cây xanh và các công trình cảnh quan.

e) Nhóm dự án xây dựng giao thông và hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, thoát nước mưa và thoát nước thải trong khu vực.

f) Nhóm dự án đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực bảo vệ di tích, tuyên truyền, quảng bá du lịch và các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể

- Mở các lớp đào tạo về các chuyên môn, kỹ năng cần thiết về du lịch và bảo vệ di tích.

- Tham quan học hỏi các mô hình.

- Xuất bản các ấn phẩm.

- Đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Lắp đặt các biển quảng cáo, chỉ dẫn,…

5.5.2. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Các dự án thuộc Nhóm dự án đền bù, giải phóng mặt bằng, cắm mốc giới bảo vệ di tích.

- Các dự án thuộc Nhóm dự án bảo vệ danh lam thắng cảnh, hang động và hệ thống bia ma nhai tại di tích; Nhóm dự án tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

- Nhóm dự án xây dựng các công trình phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch: Bãi đỗ xe; Trục cảnh quan chính vào khu.

- Nhóm dự án xây dựng giao thông và hạ tầng kỹ thuật: đáp ứng triển khai các dự án trên.

5.5.3. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn

a) Tổng mức đầu tư: Khoảng 894,432 tỷ đồng (Tám trăm chín mươi tư tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu đồng). Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 31,320 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ngân sách huyện: 59,468 tỷ đồng.

- Nguồn vốn khác: 803,644 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh dành cho các công việc:

+ Giải phóng mặt bằng và cắm mốc giới quy hoạch;

+ Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích;

+ Bảo vệ danh lam thắng cảnh, hang động và hệ thống bia ma nhai tại di tích;

- Nguồn vốn ngân sách địa phương dành cho các công việc:

+ Bảo vệ danh lam thắng cảnh, hang động và hệ thống bia ma nhai tại di tích;

+ Xây dựng hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật;

+ Đào tạo nhân lực, nâng cao năng lực quản lý di tích, tuyên truyền quảng bá du lịch và các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể liên quan;

- Nguồn vốn huy động khác:

+ Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích.

+ Bảo vệ danh lam thắng cảnh, hang động và hệ thống bia ma nhai tại di tích;

+ Đầu tư các công trình phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch.

+ Các công tác tuyên truyền quảng bá.

- Các dự án có thể được thực hiện tùy theo điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn vốn từ nhiều nguồn khác nhau, trên cơ sở đảm bảo các mục tiêu quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tăng cường sử dụng các nguồn vốn huy động khác.

Việc đề xuất bố trí vốn ngân sách nhà nước để đầu tư phải thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

5.5.4. Phân kỳ đầu tư

- Giai đoạn 2023 - 2025: 0,689 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2026 - 2030: 452,011 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2031 - 2035: 441,733 tỷ đồng.

Thứ tự, mức độ ưu tiên đầu tư hằng năm có thể được điều chỉnh, bổ sung căn cứ yêu cầu thực tế về bảo tồn, phát triển, khả năng huy động vốn, khả năng cân đối vốn và nguồn vốn cấp theo kế hoạch của trung ương, địa phương.

5.6. Các giải pháp thực hiện quy hoạch di tích

5.6.1. Giải pháp quản lý

- Quản lý theo đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch. Các quy hoạch xây dựng, các quy hoạch ngành có liên quan, các dự án đầu tư cần thực hiện theo quy hoạch này.

- Đối với các khu vực bảo vệ di tích, các dự án đầu tư được tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và quy hoạch này.

- Đối với các khu vực ngoài phạm vi bảo vệ di tích, được coi quy hoạch này tương đương với quy hoạch phân khu xây dựng. Các quy hoạch chi tiết xây dựng (tùy theo nhu cầu quản lý) và dự án đầu tư được thực hiện theo pháp luật về xây dựng.

- Phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp phát triển du lịch tại địa phương thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, xây dựng cảnh quan khu di tích xanh, sạch, đẹp.

5.6.2. Giải pháp về cơ chế thực hiện

- Thiết lập các dự án đầu tư thành phần, phân loại, phân giai đoạn để thực hiện và huy động nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; vốn đầu tư từ các doanh nghiệp; vốn huy động xã hội hóa từ các nguồn công đức, vốn vay;...

- Kinh phí thực hiện quy hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp hiện hành, kết hợp các nguồn lực hợp pháp để bổ sung, thực hiện Quy hoạch.

- Xây dựng chương trình tuyên truyền về giá trị khu di tích để thông qua đó kêu gọi các nguồn lực để đầu tư hoàn thiện khu di tích.

- Đề xuất các chương trình đầu tư các hạng mục công trình theo tiến độ thực hiện để từng bước kêu gọi các cá nhân, tổ chức trong cả nước tham gia theo hình thức xã hội hóa.

5.6.3. Giải pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, xây dựng và các quy định liên quan khác. Bảo đảm giữ gìn các yếu tố gốc của di tích, giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật của di tích. Sử dụng vật liệu, kỹ thuật phù hợp với tính chất của di tích. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Trong khu vực bảo vệ di tích, việc thực hiện các hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và phát huy giá trị di tích phải đáp ứng các nội dung theo quy hoạch này và pháp luật về di sản văn hóa hiện hành.

- Ngoài ranh giới bảo vệ di tích, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đáp ứng các yêu cầu, chỉ tiêu trong quy hoạch này và các quy định của pháp luật về xây dựng nhằm đảm bảo giữ gìn cảnh quan, vệ sinh môi trường, góp phần bảo vệ di sản.

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức của Ban quản lý di tích.

- Ban quản lý di tích là đầu mối quản lý và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các hộ dân bảo vệ, khai thác, vận hành các hoạt động trong khu theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật.

5.6.4. Giải pháp về liên kết và đầu tư

- Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch tại khu vực lập quy hoạch. Lựa chọn ưu tiên đầu tư bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích, hình thành không gian kiến trúc cảnh quan, hình thành sản phẩm du lịch hấp dẫn.

- Đối với từng dự án thành phần liên quan đến khai thác các dịch vụ du

lịch, có thể giao cho doanh nghiệp hợp tác đầu tư khai thác (hình thức đối tác công tư).

- Kết hợp triển khai các chương trình, dự án có liên quan và phù hợp trên địa bàn như: Các chương trình, dự án về phát triển du lịch, Chương trình nông thôn mới, Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch…

- Phát huy mối liên kết giữa người dân và chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý có liên quan tạo sự thống nhất trong việc tổ chức triển khai các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển du lịch tạ địa phương.

5.6.5. Giải pháp huy động nguồn lực bảo vệ và quản lý di tích

- Hợp tác với các cơ quan giáo dục về bảo tồn di tích; hướng dẫn doanh nghiệp, cộng đồng tham gia bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, văn hóa truyền thống tại địa phương.

- Khuyến khích phát triển các nghề truyền thống; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể tại địa phương.

5.6.6. Giải pháp về cơ chế phối hợp liên ngành, bảo đảm triển khai thành công quy hoạch di tích.

- Tăng cường liên kết giữa các ngành, các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách, bảo đảm triển khai thành công quy hoạch tổng thể. Trong đó, Ủy ban nhân dân địa phương chủ động nắm bắt các kế hoạch của tỉnh, qua đó đề xuất lồng ghép các mục tiêu phát triên du lịch liên quan.

- Hợp tác trong xây dựng một chương trình quảng bá xúc tiến du lịch chung cho nhóm địa phương.

- Hợp tác, liên kết tổ chức các lễ hội, sự kiện liên quan.

- Hợp tác trong xây dựng chương trình du lịch chung, các sản phẩm du lịch có sức cạnh tranh, hấp dẫn.

- Các địa phương kết nối các doanh nghiệp du lịch nhằm xây dựng văn hóa cạnh tranh lành mạnh, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để có thể cùng nhau thành công trên thị trường.

- Chủ động hợp tác với các địa phương khác để thu hút khách tại các thị trường;

- Tích cực tham gia các chương trình khảo sát, quảng bá, xúc tiến đầu tư nhằm kết nối, học hỏi lẫn nhau để đẩy mạnh các ngành kinh tế, Du lịch của địa phương phát triển.

5.6.7. Các giải pháp khác

a) Giải pháp huy động sự tham gia của cộng đồng

- Thiết lập sự nối kết giữa việc bảo tồn di tích, phát triển các hoạt động du lịch tại di tích với sự tham gia của cộng đồng dân cư quanh di tích.

- Đưa người dân tham gia trực tiếp cùng các hoạt động phát triển du lịch

của di tích như: Cung cấp các dịch vụ, hàng hóa du lịch.

- Đối với một số khu vực dân cư nằm kế cận các khu di tích: Định hướng quy mô, mẫu kiến trúc cho các công trình nhà ở của dân kế cận khu di tích để tránh các công trình xây dựng quy mô lớn, kiến trúc lai tạp, lộn xộn, không phù hợp với cảnh quan không gian của Khu di tích.

- Chỉnh trang lại các khu vực dân cư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (cấp điện, cấp thoát nước, giao thông, trường học các cấp, nhà văn hóa, trạm y tế,…) để đảm bảo cuộc sống cho các hộ dân trong khu vực.

- Nâng cao nhận thức của người dân về giá trị của di tích đê người dân địa phương tham gia vào thông tin tuyên truyền, quảng bá các giá trị vật thể và phi vật thể của Khu di tích.

- Tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư tham gia vào công tác lập kế hoạch quản lý và bảo tồn Khu di tích và phát triển du lịch. Cộng đồng dân cư phải thấy rõ được quyền lợi và trách nhiệm của mình với di tích bằng cách đưa họ tham gia vào các chương trình, mục tiêu, chính sách, công tác bảo tồn và thông tin quảng bá cho Khu di tích.

- Xây dựng chính sách cụ thể để phân định rõ nguồn lợi thu được đến nhân dân địa phương, giúp họ thấy được công tác quản lý bảo tồn và kinh doanh phát triển du lịch sẽ tạo nhiều cơ hội phát triển cho chính quyền địa phương, giải quyết được lượng lớn lao động cho địa phương.

- Khuyến khích nhân dân trong Khu di tích tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây các khu vực di tích thay thế dần các cây keo, bạch đàn bằng cây bản địa.

- Xây dựng các làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, trồng cây thuốc, làm các đặc sản địa phương,… phục vụ khách du lịch đến khu di tích.

- Tổ chức xây dựng các chương trình văn hóa nghệ thuật địa phương để nhân dân tham gia phục vụ thu hút khách du lịch.

- Khuyến khích nhân dân trong Khu di tích tham gia làm du lịch, phát triển các hình thức du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch trải nghiệm, du lịch thể thao,...

b) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực về các mặt: quản lý văn hóa, tổ chức sự kiện, hướng dẫn viên, thuyết minh viên về du lịch tâm linh, lễ hội, văn hóa thể thao,...

- Nâng cấp chất lượng các cơ sở đào tạo nghiệp vụ văn hóa và du lịch, thống nhất chương trình đào tạo khung tại các cơ sở chủ chốt của tỉnh. Chú trọng vào các nội dung đào tạo nhằm tăng cường hiểu biết các giá tri lich sử, văn hóa truyền thống địa phương, việc áp dụng các hiểu biết vào các hoạt động du lịch. Trên cơ sở đó xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của từng khu vực cụ thể.

- Tăng cường năng lực về hiểu biết lịch sử, văn hóa truyền thống cho đội

ngũ cán bộ quản lý văn hóa du lịch tại địa bàn trọng điểm phát triển du lịch.

- Khuyến khích hình thành và duy trì các câu lạc bộ văn hóa truyền thống tại các địa phương có liên quan đến khu vực quy hoạch.

- Đẩy mạnh việc liên kết trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực văn hóa, du lịch giữa các cơ sở đào tạo trong tỉnh với các cơ sở đào tạo khác. Tăng cường mở các lớp tập huấn ngắn hạn phù hợp với tính chất bảo tồn di tích và phát triển du lịch tại từng khu vực cụ thể, nhấn mạnh các phương pháp phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong du lịch.

c) Giải pháp tuyên truyền, quảng bá

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp các ngành, các tổ chức chính trị xã hội và cộng đồng dân cư, để các đối tượng này hiểu rõ hơn về vai trò và ý nghĩa của việc giữ gìn, bảo vệ di tích, bản sắc văn hóa, phát huy giá trị lễ hội và các loại hình văn hóa dân gian đặc sắc phục vụ phát triển du lich, qua đó tạo sự đồng thuận giữa các bên liên quan trong việc bảo tồn di tích, triển khai các hoạt động văn hóa và du lịch tại địa phương.

- Tăng cường công tác xúc tiến quảng bá các giá trị di tích, văn hóa khu vực nhằm xây dựng hình ảnh du lịch với những yếu tố đổi mới về các sản phẩm du lịch, văn hóa hấp dẫn, kích cầu du lịch cho các loại hình này.

- Tích cực triển khai các nội dung về xúc tiến, quảng bá các giá trị di tích, văn hóa và lễ hội tại khu vực quy hoạch, tại các sự kiện, hội chợ du lịch trong và ngoài nước mà tỉnh tham gia để giới thiệu các giá trị này tới đông đảo du khách trong và ngoài nước.

- Xây dựng hình ảnh di tích, văn hóa và các loại hình du lịch để tạo ra sức hấp dẫn riêng đối với du khách bằng các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng các cụm pa nô, biển quảng cáo về du lịch; xây dựng băng VIDEO, đĩa CD-ROM, Website, sổ tay du lịch, tham gia các hội chợ, triển lãm, hội thi về Du lịch. Hoạt động quảng bá du lịch phải gắn kết với hoạt động xúc tiến du lịch và các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư.

- Xây dựng các chương trình du lịch lễ hội và văn hóa hấp dẫn đa dạng khác nhau.

- Cần có các buổi giới thiệu, tài liệu giới thiệu, pano quảng cáo về du lịch, về lễ hội tại các lễ hội và điểm du lịch xung quanh vùng.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc

- Tổ chức công bố Quy hoạch, xác định mốc giới các khu vực khoangh vùng bảo vệ di tích, lắp đặt biển chỉ dẫn, di dời cá hộ dân trong khu vực di tích; bàn giao đất để triển khai dự án đầu tư.

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan để cập nhật ranh giới diện tích Quy hoạch di tích vào hồ sơ khoa học xếp hạng di tích và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, của huyện Vĩnh Lộc phù hợp với từng thời kỳ.

- Xây dựng lộ trình thu hồi đất để bàn giao triển khai kế hoạch bảo vệ di tích và thực hiện các dự án đầu tư thành phần, căn cứ vào điều kiện thực tế về kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt các nhóm dự án thành phần theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý hoạt động bảo tồn, đầu tư, xây dựng theo Quy hoạch và điều lệ quản lý quy hoạch được duyệt.

- Chỉ đạo các đơn vị chức năng và chủ đầu tư tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, bổ sung cứ liệu khoa học cho việc lập, tổ chức thẩm định và quyết định đầu tư các nhóm dự án thành phần theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với khả năng cân đối và nguồn kinh phí đầu tư, trên cơ sở quy hoạch được duyệt.

- Chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương; tổ chức tuyên truyền, vận động, huy động các nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện Quy hoạch theo đúng kế hoạch.

- Thực hiện đầu tư xây dựng trong phạm vi bảo vệ của di tích, trên nguyên tắc tuân thủ quy định của Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định này và các quy hoạch có liên quan được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng.

- Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến góp ý, thẩm định của các bộ và sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan về hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ đồ án Quy hoạch, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa, quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan.

6.2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Xem xét, tham mưu trình các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thẩm định nội dung chuyên môn đối với các dự án thành phần liên quan đến di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia thuộc nội dung quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức thẩm định nội dung chuyên môn đối với các dự án thành phần liên quan đến di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh thuộc nội dung quy hoạch được duyệt; Phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định, tham gia thẩm định các dự án đầu tư liên quan đến văn hoá và du lịch ở trong khu vực quy hoạch.

- Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra tiến độ thực hiện quy hoạch, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng nội dung, đúng kế hoạch được phê duyệt, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan.

- Cùng với UBND huyện Vĩnh Lộc, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến góp ý, thẩm định của các bộ, ngành Trung ương và sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương về hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa, quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm Quy hoạch này phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan.

6.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, để xem xét và tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện các nhóm dự án thành phần liên quan đến di tích thuộc Quy hoạch được phê duyệt, bảo đảm theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước; kiểm tra việc thực hiện theo thẩm quyền.

6.4. Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ngành liên quan và trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của ngành mình, có trách nhiệm hướng dẫn, tham gia ý kiến đối với công tác quy hoạch, các dự án thành phần trong khu vực quy hoạch; thẩm định, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch, đặc biệt là đất rừng, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan; hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc trình cấp có thẩm quyền cập nhật ranh giới diện tích Quy hoạch vào Kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, của huyện phù hợp với thời kỳ quy hoạch.

6.6. Các sở, ngành, đơn vị liên quan: Các sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp, theo dõi, giám sát, tạo điều kiện và hỗ trợ Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch, bảo đảm tiến độ, có hiệu quả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Viện Quy hoạch - Kiến trúc và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:
- Như Điều 2 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đầu Thanh Tùng